TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 266/2019/DS-ST
Ngày: 01 - 10 -2019
V/v "tranh chấp
hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thanh Hương;

2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 46/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Thanh P, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số C Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: D Cư xá Phú Lâm D, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Hoài Nh, sinh năm 1966; Địa chỉ: T, Đề Thám, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: Số B, đường số 6, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 11/01/2019) - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trương Duy S, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số D Tân Mỹ, tổ 10, khu phố 4, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/1/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án đại diện nguyên đơn ông Hồ Hoài Nh (Sau đây viết tắt là nguyên đơn) trình bày:

Ông Đào Thanh P và ông Trương Duy S là chỗ quen biết nhau và ông S có nhu cầu vay vốn làm ăn nên hỏi vay tiền của ông Ph. Ông Đào Thanh P có cho ông Trương Duy S mượn 03 (ba) lần với tổng số tiền là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 08/11/2017 ông Đào Thanh P có cho ông Trương Duy S vay tiền, hai bên có lập giấy biên nhận tiền, với nội dung như sau: Số tiền vay là 250.000.000 đồng; bị đơn đã tự viết giấy biên nhận tiền và cam kết sẽ hoàn trả lại số tiền này trong thời hạn 01 tháng. Đến hạn thanh toán ông S không thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận.

- Ngày 21/11/2017 ông Đào Thanh P có cho ông Trương Duy S vay tiền, hai bên có lập giấy biên nhận tiền, với nội dung như sau: Số tiền vay là 250.000.000 đồng; bị đơn đã tự viết giấy biên nhận tiền và cam kết sẽ hoàn trả lại số tiền này trong thời hạn 01 tháng. Đến hạn thanh toán ông S không thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận.

- Ngày 25/02/2018 ông Đào Thanh P có cho ông Trương Duy S vay tiền, hai bên có lập giấy vay tiền, với nội dung như sau: Số tiền vay là 1.500.000.000 đồng; bị đơn đã tự viết giấy biên nhận tiền và cam kết sẽ hoàn trả lại số tiền này thành 03 đợt gồm: Đợt 1, trả 500.000.000 đồng sẽ trả đúng ngày 09/3/2018; Đợt 2, trả 500.000.000 đồng sẽ trả đúng ngày 23/3/2018; Đợt 3, trả 500.000.000 đồng sẽ trả dứt điểm vào ngày 07/4/2018. Đến hạn thanh toán ông S không thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận

Tổng số tiền tiền vay ông Trương Duy S đã giao nhận là: 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng. Việc vay tiền không thỏa thuận lãi suất, không có tài sản đảm bảo thế chấp.

Sau nhiều lần khất nợ với lý do làm ăn khó khăn không thu được tiền, đến nay ông Trương Duy S vẫn không trả tiền như đã cam kết với ông Ph.

Ngày 12/6/2018 ông Ph có tố cáo ông S đến cơ quan Công an về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 02/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ban hành Quyết định không khởi tố hình sự số 284-01 và ngày 04/09/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 4574 về việc không khởi tố vụ án vì đây là quan hệ dân sự và không có sự việc phạm tội xảy ra. Tại cơ quan công an ông S có hứa trả ông Ph số tiền đã mượn nhưng đến nay vẫn không trả.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trương Duy S phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng và tiền lãi tính từ ngày ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm, tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo từng khoản vay như sau:

Đối với giấy biên nhận tiền ngày 08/11/2017, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 09/12/2017 và giấy biên nhận tiền ngày 21/11/2017, ngày vi phạm

nghĩa vụ thanh toán là ngày 22/12/2017; tính đến ngày xét xử làm tròn là 21 tháng x 0,833%/ tháng (10%/năm) x 500.000.000 đồng = 87.465.000 đồng.

Đối với giấy vay tiền ngày 25/02/2018, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo từng đợt cụ thể:

+ Đợt 1, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 10/3/2018 đến ngày xét xử làm tròn là 18 tháng x 0,8%/ tháng (10%/năm) x 500.000.000 đồng;

+ Đợt 2, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 24/3/2018 đến ngày xét xử làm tròn là 18 tháng x 0,8%/ tháng (10%/năm) x 500.000.000 đồng;

+ Đợt 3, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 08/4/2018 đến ngày xét xử làm tròn là 17 tháng x 0,8%/ tháng (10%/năm) x 500.000.000 đồng;

Đối với giấy vay tiền ngày 25/02/2018, nguyên đơn tính có lợi cho bị đơn và làm tròn là 17 tháng x 0,833%/ tháng (10%/năm) x 1.500.000.000 đồng = 212.415.000 đồng.

Số tiền lãi của 03 giấy vay tiền là 299.880.000 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn giảm một ít tiền lãi cho bị đơn và làm tròn số tiền lãi là 299.000.000 đồng.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 2.299.000.000 (Hai tỷ hai trăm chín mươi chín triệu) đồng, bao gồm: số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng, tiền lãi 299.000.000 đồng,

Tại bản tự khai ngày 23/4/2019 và biên bản hòa giải ngày 04/7/2019 bị đơn ông Trương Duy S trình bày: Ông thừa nhận có nhận tiền của ông Ph hai lần cụ thể như sau:

- Ngày 08/11/2017 ông Trương Duy S viết giấy biên nhận tiền, với nội dung như sau: nhận từ ông Ph số tiền 250.000.000 đồng; ông tự viết giấy biên nhận tiền và cam kết sẽ hoàn trả lại số tiền này trong thời hạn 01 tháng.

- Ngày 21/11/2017 ông Trương Duy S viết giấy biên nhận tiền, với nội dung như sau: nhận từ ông Ph số tiền 250.000.000 đồng; ông tự viết giấy biên nhận tiền và cam kết sẽ hoàn trả lại số tiền này trong thời hạn 01 tháng.

Số tiền này là tiền ông Ph và ông T hợp tác với ông để kinh doanh tiền ảo trên mạng internet. Ông đã trả cho ông Ph và ông T số tiền 500.000.000 đồng này và tiền lời từ việc hợp tác kinh doanh là 1.040.000.000 đồng. Tuy nhiên giấy tờ chứng minh việc trả nợ ông không có vì lúc đó hai bên tin tưởng và ông không yêu cầu ông Ph viết giấy đã nhận tiền.

Đối với giấy vay tiền ngày 25/02/2018, ông thừa nhận có ký giấy vay tiền này nhưng do bị ông Ph ép buộc ký và ông không có nhận số tiền này.

Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đào Thanh P.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, Bị đơn sau khi tự khai và tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải đã không chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Giấy biên nhận tiền ngày 08/11/2017; Giấy biên nhận tiền ngày 21/11/2017, Giấy vay tiền ngày 25/02/2018 đã ký giữa 02 bên cho thấy việc nguyên đơn, bị đơn ký kết giao dịch là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật và có cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 2.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015; do thời hạn bị đơn vi phạm đã lâu nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay và bị đơn hiện cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi có bản tự khai, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và thuộc trường hợp đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ

án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà Bùi Thị Vân H và ông Đào Thanh P là vợ chồng, bà Bùi Thị Vân H trình bày xác nhận số tiền ông Đào Thanh P cho ông Trương Duy S theo giấy biên nhận tiền ngày 08/11/2017, ngày 21/11/2017 giấy vay tiền ngày 25/02/2018 là tài sản riêng của ông Đào Thanh P nên Tòa án không đưa bà Bùi Thị Vân H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2019 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền là 2.299.000.000 (Hai tỷ hai trăm chín mươi chín triệu) đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và nợ lãi theo các khoản vay tính đến xét xử là ngày 01/10/2019 với số tiền là 299.000.000 đồng; yêu cầu trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.1] Căn cứ vào giấy biên nhận tiền ngày 08/11/2017, ngày 21/11/2017 ký giữa ông Đào Thanh P và Trương Duy S đều có chữ ký của bị đơn ông S. Bị đơn là người trưởng thành, đã đọc và hiểu rõ nội dung vay tiền nhưng vẫn đồng ý ký tên xác nhận; đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có ý kiến phản đối đối với những tài liệu này; nguyên đơn cũng thừa nhận tất cả nội dung trong văn bản này. Do vậy, có cơ sở xác định nội dung trong giấy biên nhận tiền ngày 08/11/2017 và ngày 21/11/2017 là có thật và được cả hai bên thừa nhận. Bị đơn ông Trương Duy S phản đối yêu cầu của ông Ph và cho rằng ông đã trả số tiền 500.000.000 đồng cho ông Ph nhưng không thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối này nên Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Do vậy, ông Ph khởi kiện yêu cầu ông S phải thanh toán số tiền còn nợ là 500.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 25/02/2018 ký giữa ông Đào Thanh P và Trương Duy S đều có chữ ký của bị đơn ông S. Bị đơn là người trưởng thành, đã đọc và hiểu rõ nội dung vay tiền nhưng vẫn đồng ý ký tên xác nhận; nguyên đơn cũng thừa nhận tất cả nội dung trong văn bản này. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có ý kiến phản đối cho rằng bị ông Ph ép buộc ký giấy vay tiền này nhưng không thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối này nên Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Do vậy, có cơ sở xác định nội dung trong Giấy vay tiền 25/02/2018 là có thật và ông Ph khởi kiện yêu cầu ông S phải thanh toán số tiền còn nợ theo giấy vay tiền này là 1.500.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử theo từng giấy vay tiền theo mức lãi suất là 10%/năm, cụ thể:

Đối với giấy biên nhận tiền ngày 08/11/2017, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 09/12/2017 và giấy biên nhận tiền ngày 21/11/2017, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 22/12/2017; tính đến ngày xét xử làm tròn là 21 tháng x 0,833%/ tháng (10%/năm) x 500.000.000 đồng = 87.465.000 đồng.

Đối với giấy vay tiền ngày 25/02/2018, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo từng đợt cụ thể:

+ Đợt 1, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 10/3/2018 đến ngày xét xử làm tròn là 18 tháng x 0,8%/ tháng (10%/năm) x 500.000.000 đồng;

+ Đợt 2, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 24/3/2018 đến ngày xét xử làm tròn là 18 tháng x 0,8%/ tháng (10%/năm) x 500.000.000 đồng;

+ Đợt 3, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 08/4/2018 đến ngày xét xử làm tròn là 17 tháng x 0,8%/ tháng (10%/năm) x 500.000.000 đồng;

Đối với giấy vay tiền ngày 25/02/2018, nguyên đơn tính có lợi cho bị đơn và làm tròn là 17 tháng x 0,833%/ tháng (10%/năm) x 1.500.000.000 đồng = 212.415.000 đồng.

Số tiền lãi của 03 giấy vay tiền là 299.880.000 đồng nhưng nguyên đơn giảm cho bị đơn một ít tiền lãi và làm tròn số tiền lãi là 299.000.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định vay không có lãi mà khi đến hạn mà bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ và nguyên đơn có yêu cầu trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm nên có cơ sở chấp nhận. Do nguyên đơn giảm số ngày vi phạm nghĩa vụ và làm tròn số tháng cho bị đơn, yêu cầu này có lợi cho bị đơn nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.4] Về thời hạn trả tiền: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay đã nhận là 2.000.000.000 đồng, trả tiền lãi từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử theo mức lãi suất là 10%/năm của số tiền gốc 2.000.000.000 đồng là 299.000.000 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, xét thấy thời gian bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu và yêu cầu này là phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là 77.980.000 (Bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463; Khoản 1, 4 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Trương Duy S.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Thanh P.

2.1. Buộc ông Trương Duy S phải trả cho ông Đào Thanh P tổng số nợ gốc là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 01/10/2019 là 299.000.000 (Hai trăm chín mươi chín triệu) đồng, Tổng cộng là 2.299.000.000 (Hai tỷ hai trăm chín mươi chín triệu) đồng trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Duy S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 77.980.000 (Bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Đào Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Đào Thanh P số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 6.463.125 đồng (Sáu triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn một trăm hai năm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/002664 ngày 29/01/2018 và 32.123.000 (Ba mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0031712 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2.4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Đào Thanh P được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trương Duy S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Thơm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trần Cảnh